

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 3325/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31-8-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Đoàn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chu Mạnh Tường

2. Ông Huỳnh Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1082/2022/TLST-HNGĐ ngày 29/4/2022, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5035/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5667/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/8/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm: 1993

Thường trú: Đường 1, khu phố 1, phường Tam B, thành phố T, Thành phố H.

Địa chỉ liên hệ: Đường số 6, phường Linh X, thành phố T, Thành phố H.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc D, sinh năm: 1989

Thường trú: Đường 1, khu phố 1, phường Tam B, thành phố T, Thành phố H.

Bà Lê Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Quốc D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/4/2022, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Quốc D tự nguyện tìm hiểu, sau đó có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Linh Đông, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyển số 1 vào ngày 05/3/2015.

Sau khi kết hôn cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do lối sống, tính cách của hai bên có nhiều sự khác biệt. Hơn nữa, quá trình chung sống ông D không có trách nhiệm với gia đình, không chịu khó làm ăn, cùng bà chăm lo cho gia đình nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, vợ chồng không tin tưởng nhau, không có sự yêu thương, quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống. Mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng không thể dung hòa nên từ năm 2021 bà đã dọn ra ngoài sống riêng cho đến nay. Vì thương các con còn nhỏ nên bà nhiều lần tạo điều kiện để hai bên hàn gắn đoàn tụ gia đình, nhưng không có kết quả. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Quốc D.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông D có 02 người con chung tên Nguyễn Quốc Thiên Â, sinh ngày 17/3/2015 và Nguyễn Lê Quỳnh C, sinh ngày 04/10/2016. Sau khi ly hôn bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định trong quá trình chung sống bà và ông D không tạo lập được tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà T không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đồng thời trong đơn bà xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Nguyễn Quốc D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử. Về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ kết quả xác minh của Công an phường Tam Bình, thành phố Thủ Đức thì bị đơn ông Nguyễn Quốc D cư trú tại địa chỉ Đường 1, khu phố 1, phường Tam B, thành phố T, Thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Nguyên đơn bà Lê Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Quốc D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Quốc D tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Linh Đông, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 05/3/2015 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Đối với yêu cầu của bà T về việc ly hôn với ông D:

Xét, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, hai vợ chồng cần có sự yêu thương, quan tâm, cùng nhau chia sẻ, vun đắp hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, theo bà T trình bày: Cuộc sống chung của bà và ông D chỉ hạnh phúc được thời gian đầu, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách, lối sống của hai bên có nhiều sự khác biệt, ông D không chịu khó làm ăn, cùng bà chăm lo cho gia đình, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn căng thẳng kéo dài. Kể từ năm 2021, bà T và ông D đã không còn sống chung cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông D đến Tòa, nhưng ông D vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông D đối với yêu cầu ly hôn của bà T. Điều đó chứng tỏ ông D không mong muốn được hàn gắn đoàn tụ gia đình. Căn cứ vào ý kiến

trình bày của bà T và sự vắng mặt của ông D trong suốt quá trình giải quyết vụ án có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông D đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, bà T yêu cầu được ly hôn với ông D là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Căn cứ lời trình bày của bà T và bản sao giấy khai sinh số 207 ngày 26/6/2015 và trích lục khai sinh số 914/TLKS-BS ngày 07/11/2016 do Ủy ban nhân dân phường Linh Đông, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, có đủ cơ sở xác định bà Lê Thị T và ông Nguyễn Quốc D có 02 con chung tên Nguyễn Quốc Thiên Â, sinh ngày 17/3/2015 và Nguyễn Lê Quỳnh C, sinh ngày 04/10/2016.

Đối với yêu cầu nuôi con của bà T: Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Ông D đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án nhưng không có ý kiến phản hồi gì về yêu cầu nuôi con chung. Xét thấy, theo lời khai của bà T thì từ khi tách ra sống riêng từ năm 2021 đến nay bà đang là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Ân và trẻ Chi và bà xác định có đủ điều kiện nuôi dưỡng hai con, đồng thời trẻ Nguyễn Quốc Thiên Â có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do đó, để đảm bảo không gây xáo trộn cuộc sống, ổn định tâm lý của trẻ nên việc giao 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng sẽ phù hợp và thuận lợi hơn cho sự phát triển toàn diện về mọi mặt của con. Vì vậy, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Quốc Thiên Â và Nguyễn Lê Quỳnh C là có cơ sở chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp.

[2.4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 186; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Quốc D.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Quốc Thiên Â, sinh ngày 17/3/2015 và Nguyễn Lê Quỳnh C, sinh ngày 04/10/2016 cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị T về việc không yêu cầu ông Nguyễn Quốc D cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được miễn trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026815 ngày 22/4/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Dương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hà Văn Đoàn